

PHẦN 1: NỘI DUNG KIỂM TRA GIỮA KÌ

A. Phần văn bản.

1. Thơ 4 chữ- 5 chữ

1.1. Đặc điểm thơ 4 chữ- 5 chữ

- Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.
- Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.
- Hình ảnh trong thơ: Là những chi tiết, cảnh tượng tự thực tế cuộc sống, được tái hiện lại ngôn từ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.
- Vần:
 - +Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ.
 - +Vần lưng: vần gieo ở giữa câu thơ.
 - +Vai trò của vần: Liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, làm cho câu thơ, dòng thơ dễ nhớ dễ thuộc.
- Nhịp thơ:
 - +Nhịp thơ được thể hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng/ngắt dòng đều đặn cuối mỗi dòng thơ.
 - + Tác dụng của nhịp thơ: tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng biểu đạt nội dung thơ.
- Thông điệp: Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.

1.2. Hệ thống các văn bản thơ 4 chữ, 5 chữ đã học:

Tên văn bản	Thể thơ	Chủ đề	Thông điệp
- Tác giả			
Lời của cây (Trần Hữu Thung)		thể hiện	- Hãy lắng nghe lời của cỏ cây loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống mới là những mầm non. - Mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời.
Sang thu (Hữu Thỉnh)		Bài thơ thể hiện	Cần biết lắng nghe, cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan để đón nhận những món quà vô giá từ thiên nhiên.

2. Truyện ngụ ngôn:

2.1. Đặc điểm truyện ngụ ngôn:

- Truyện ngụ ngôn là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.
- Đề tài trong truyện ngụ ngôn: thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.
- Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.
- Sự kiện (hay sự việc) là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính.
- Cốt truyện của truyện ngụ ngôn thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm, ...) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.
- Tình huống truyện là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu.

- Không gian trong truyện ngụ ngôn là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...).

- Thời gian trong truyện ngụ ngôn là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.

1.2. Hệ thống các văn bản truyện ngụ ngôn đã học:

Văn bản	Đề tài	Cốt truyện	Tình huống truyện	Bài học
Ếch	Tính tự cao, tự	Câu chuyện về tính chủ	Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch vẫn quen thói	

ngồi đáy giếng	đại có thể làm hại bản thân.	quan, kiêu ngạo dẫn đến cái chết của con ếch.	nhàng nháo tự phụ, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị con trâu đâm chết (-> bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân)	-
Thầy bói xem voi	Để biết rõ về sự vật, sự việc, phải xem xét chúng một cách toàn diện.	Câu chuyện về năm ông thầy bói sờ voi và phán xét, ai cũng cho mình là đúng nên dẫn đến đánh nhau toác đầu, chảy máu.	Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”, mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát, đánh nhau (-> bộc lộ tác hại của lỗi nhận thức phiến diện về sự vật)	-
Hai người bạn đồng hành và con gấu	Tình bạn và tình người		Sự xuất hiện bất ngờ và sự bỏ đi cũng bất ngờ của con gấu trước sự kinh hãi, ngạc nhiên của hai người bạn đồng hành. ->Thể hiện bản chất vì mạng sống của mình mà bỏ mặc bạn bè	-

Chó sói và chiên con	Kẻ mạnh và chân lí	Câu chuyện về sự độc ác, hung hăng của con sói và sự nhút nhát, yếu đuối của chú chiên con.	Một con chó sói đang đói bụng lại gặp chiên con ra suối uống nước, bèn bịa ra đủ lí do để ăn thịt chiên. -> Thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.	-
-----------------------------	--------------------	---	---	---

A. Phần Tiếng Việt.

1. PHÓ TỪ

Khái niệm	Phân loại	Chức năng	Ví dụ
Phó từ là những từ chuyên đi kèm trước	-Phó từ chuyên đi kèm trước danh từ	Bổ sung ý nghĩa về cho danh từ:	Vào những ngày ấy, nhà ông tung bưng và chặt ních người.
chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ.	-Phó từ đứng trước động từ, tính từ,	Bổ sung cho , , , được nêu ở động từ, tính từ một số ý nghĩa như: -Quan hệ thời gian: -Chỉ mức độ: , <i>thật, hơi, quá</i> -Chỉ sự tiếp diễn tương tự: , <i>còn, nữa, cùng, ...</i> -Chỉ sự phủ định: , ...	-Mùa thu đã đến rồi. -Không thấy Dế Mèn nhưng chị Cốc trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trước cửa

	-Chỉ sự cầu khiến: ... -Giới hạn, phạm vi: -Đồng nhất về tính chất: đều	hang. -Anh đừng trêu vào.
- Phó từ đứng sau động từ, tính từ	Bổ sung cho động từ, tính từ một số ý nghĩa như: , và , ... -Chỉ mức độ: <i>lắm, vô cùng</i> -Chỉ kết quả và hướng: <i>vào, ra, rồi, mất, được</i> -Chỉ khả năng: <i>được, xong, phải</i>	-Tôi tợn lắm. -Tôi đã làm được ba bài tập rồi. (kết quả) -Nó làm được đấy. (khả năng)

2. DẤU CHẤM LŨNG

Khái niệm	Chức năng	Ví dụ
Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là		Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, thầy bói, bác nông dân,... -Bầm...quan lớn...đê vỡ mấy rồi! -> <i>Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng, ngắt quãng.</i>

một trong những loại đầu câu thường gặp trong văn viết		ị	Trước đây, ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, sân khấu cho rối nước là...ao làng. Ghế ngồi , của khán giả là... thảm cỏ quanh ao. -> Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.
			.[...]Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng đặt lên đầu phản.
			Thấy trời đã sáng Gà gáy ó...o...

PHẦN III: ĐỀ THAM KHẢO

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4 điểm). Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

MẸ

(Viễn Phương)

<i>Con nhớ ngày xưa mẹ hát:</i>	<i>Khi con thành đóa hoa thơm</i>
<i>“Hoa sen lặng lẽ dưới đầm</i>	<i>Đời mẹ lắt lay chiếc bóng</i>
<i>Hương hoa dịu dàng bát ngát</i>	<i>Con đi...chân trời gió lộng</i>
<i>Thơm tho không gian, thời gian” ...</i>	<i>Mẹ về...nắng quái chiều hôm</i>

<i>Mẹ nghèo như đóa hoa sen</i>	<i>Sen đã tàn sau mùa hạ</i>
<i>Tháng năm âm thầm lặng lẽ</i>	<i>Mẹ cũng lìa xa cõi đời,</i>
<i>Giọt máu hòa theo dòng lệ</i>	<i>Sen tàn rồi sen lại nở</i>
<i>Hương đời mẹ ướp cho con</i>	<i>Mẹ thành ngôi sao trên trời.</i>

(Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 1999, trang 37)

Chú thích: Viễn Phương, sinh năm 1928, mất năm 2005, quê ở An Giang. Ông là nhà thơ gắn bó với cuộc sống chiến đấu của bà con quê hương trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Bài thơ *Mẹ* mang đến cho người đọc những hình ảnh và cảm nhận sâu sắc về tình mẹ vì sự hy sinh vô điều kiện của mẹ dành cho con.

Câu 1 (0,5 điểm): Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

	1	Thể thơ	0,5
--	---	---------	-----

Câu 2 (0,5 điểm): Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?

	2	Chủ thể trữ tình trong bài thơ là	0,5
--	---	-----------------------------------	-----

Câu 3 (1,0 điểm): Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ:
“*Mẹ nghèo như đoá hoa sen*

Tháng năm âm thầm lặng lẽ”.

	3	Tác dụng: + Tăng sức cho câu thơ. + Làm nổi bật hình ảnh tuy hoàn cảnh nhưng phẩm chất như . + Tình cảm , , mà tác giả dành cho mẹ.	0,25 0,75
--	---	---	-------------------------

Câu 4 (1,0 điểm): Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ:

“*Khi con thành đoá hoa thơm*
Đời mẹ lắt lay chiếc bóng”

	4	- Khi con khôn lớn trưởng thành cũng là lúc - Thể hiện và , của dành cho mẹ <i>Hs có thể diễn đạt khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa</i>	1,0
--	---	--	-----

Câu 5 (1,0 điểm). Từ thông điệp tác giả gửi tới người đọc qua bài thơ, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của con cái trong việc đền đáp công ơn cha mẹ?

5	HS nêu được những việc làm cụ thể cơ bản như sau: - Luôn học tập, rèn luyện chăm chỉ, có trách nhiệm, giúp cha mẹ san sẻ công việc gia đình để cha mẹ luôn yên tâm, vui vẻ, hạnh phúc, không phải phiền lòng. - Quan tâm đến cha mẹ, thường xuyên thăm hỏi sức khỏe của cha mẹ, tận tình chăm sóc khi ốm đau, ... <i>Hs có thể diễn đạt khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa</i>	1,0
---	--	-----

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ:

“Sen đã tàn sau mùa hạ

Mẹ cũng lìa xa cõi đời,

Sen tàn rồi sen lại nở

Mẹ thành ngôi sao trên trời”

Câu 2 (4,0 điểm):

Nhà phê bình văn học Bielinxki đã từng nói: “Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời”. Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bàn về vấn đề tuổi trẻ cần có lí tưởng sống.

<i>1. Mở bài:</i> - Giới thiệu vấn đề: Tuổi trẻ cần có lí tưởng sống. - Nêu sự cần thiết phải bàn luận, giải quyết vấn đề. <i>2. Thân bài:</i> * Giải thích: - Lí tưởng sống chính là lẽ sống tốt đẹp, là cái đích cuộc sống mà người trẻ khao khát đạt được. - Bao gồm: những giá trị, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp sống mà mỗi người đặt ra để đạt một cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa. * Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề: Nêu được sự liên quan mật thiết của vấn đề cần giải quyết với tuổi trẻ. <i>- Biểu hiện:</i> + Biết đặt mục tiêu, phấn đấu không ngừng nghỉ để hoàn thiện và phát triển bản thân, tạo ra thành tựu. + Khi vấp ngã không hề nản lòng, coi đó là bài học kinh nghiệm. + Mang trong mình năng lượng tích cực tràn đầy. + Truyền tải những thông điệp có ý nghĩa cho xã hội... <i>- Lí giải:</i>	0,25 0,25 0,25
--	-------------------------------------

+ Tuổi trẻ là thời gian để con người khám phá bản thân. Lí tưởng sống đóng vai trò kim chỉ nam giúp con người xác định phương hướng. + Cuộc sống luôn tiềm ẩn vô vàn khó khăn không lường trước, lí tưởng là nguồn động lực to lớn đem lại sức mạnh để ta không chùn bước, vươn tới thành công. + Lí tưởng sống không những đem lại những giá trị tốt đẹp cho tuổi trẻ mà còn giúp tôi luyện những phẩm chất quý báu khác: siêng năng, kiên trì, sống yêu thương, có trách nhiệm... + Lí tưởng sống mãnh liệt thôi thúc tuổi trẻ làm nên những điều vĩ đại, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển đất nước. + Nếu tuổi trẻ không có lí tưởng, cuộc sống sẽ trở nên u ám, tẻ nhạt như buổi sáng không có ánh mặt trời. (Nêu lí lẽ kết hợp dẫn chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề) - <i>Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó:</i> + Trong xã hội hiện nay, một bộ phận giới trẻ đang dần mất đi lí tưởng sống; một bộ phận thanh niên + Lại có những người đặt cho mình lí tưởng sống quá xa vời nhưng bản - <i>Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề:</i> + Để đạt được lí tưởng sống của mình, tuổi trẻ cần có kế hoạch cụ thể, từng bước thực hiện, tự ý thức rèn luyện cả về tri thức lẫn đạo đức. + Cần phải nỗ lực, kiên trì, sáng tạo và không ngừng học hỏi để hoàn thiện bản thân. + Cần sống tích cực, lạc quan để vượt qua những thử thách trong cuộc sống, hành động có trách nhiệm với xã hội và thế giới xung quanh. + Không nên chạy theo lối sống hưởng thụ đua đòi và cần lên án những người	1,0
	0,5

sống không có lí tưởng để họ tự nhận thức lại bản thân.	0,5
3. Kết bài:	
- Khẳng định tầm quan trọng của việc xác định và xây dựng lí tưởng sống cao đẹp để cuộc sống đúng nghĩa là cuộc sống.	